

**PHỤ LỤC 13****Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng trong phương thức****Xét tuyển bằng chứng chỉ ngoại ngữ năm 2024**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNN ngày tháng năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

<b>Môn Ngoại ngữ/ Ngành học</b>	<b>Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (*)</b>	<b>Đơn vị cấp chứng chỉ</b>
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
	VSTEP 3-5 (bài thi trên máy tính)	Theo Thông báo số 1098/TB-QLCL ngày 07/7/2023 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT
Tiếng Nga	TRKI-2	- Các trường Đại học ở LB Nga - Viện tiếng Nga Quốc gia (A.X. Pushkin)
Tiếng Pháp	- TCF 400 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	HSK5 và HSKK	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation)
Tiếng Đức	- DSH 1 - TestDaF 3 - Goethe-Zertifikat B2 - DSD B2 - TELC B2 - ÖSD Zertifikat B2	- Các trường đại học Đức - Viện TestDaF - Viện Goethe (Goethe-Institut) - KMK (Hội đồng Bộ trưởng văn hóa, giáo dục của Liên bang và các bang CHLB Đức) - TELC B2 (TELC GmbH) - Hiệp hội ÖSD (Cộng hòa Áo)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia (NIIED)

(\*) Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng, trừ các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp); điểm tối thiểu từng kỹ năng là 5 điểm (theo thang điểm 10); riêng đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh, điểm tối thiểu từng kỹ năng của chứng chỉ VSTEP là 6 điểm (theo thang điểm 10).

- Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN không xét các chứng chỉ ngoại ngữ thi online.